CTCP CENCON Việt Nam (UPCOM: CEN)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	2,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	27.8%	**-4.2%**	**-54.9%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,700 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	50
Số lượng CPLH (CP)	21,712,440
KLGD BQ 20 phiên (CP)	71,955
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.31
EPS	-3
P/E	-759.0

Tỷ suất lợi nhuận

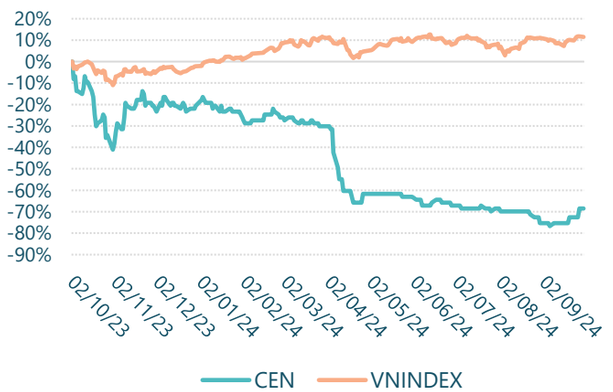

Doanh thu thuần

Q3/24

29.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.4 | 56.0%

YoY: ▲ 10.5 | 56.9%

Nợ/VCSH

Q3/24

3.0%

YoY: +/-▲ 2.2%

LN gộp

Q3/24

1.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.33 | 26.6%

YoY: ▲ 0.21 | 15.3%

ROE (TTM)

Q3/24

0.0%

YoY: +/-▼ 0.1%

LN trước thuế

Q3/24

-0.08

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.16 | -199%

YoY: ▼0.27 | -142%

ROA (TTM)

Q3/24

0.0%

YoY: +/-▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh Q3/24

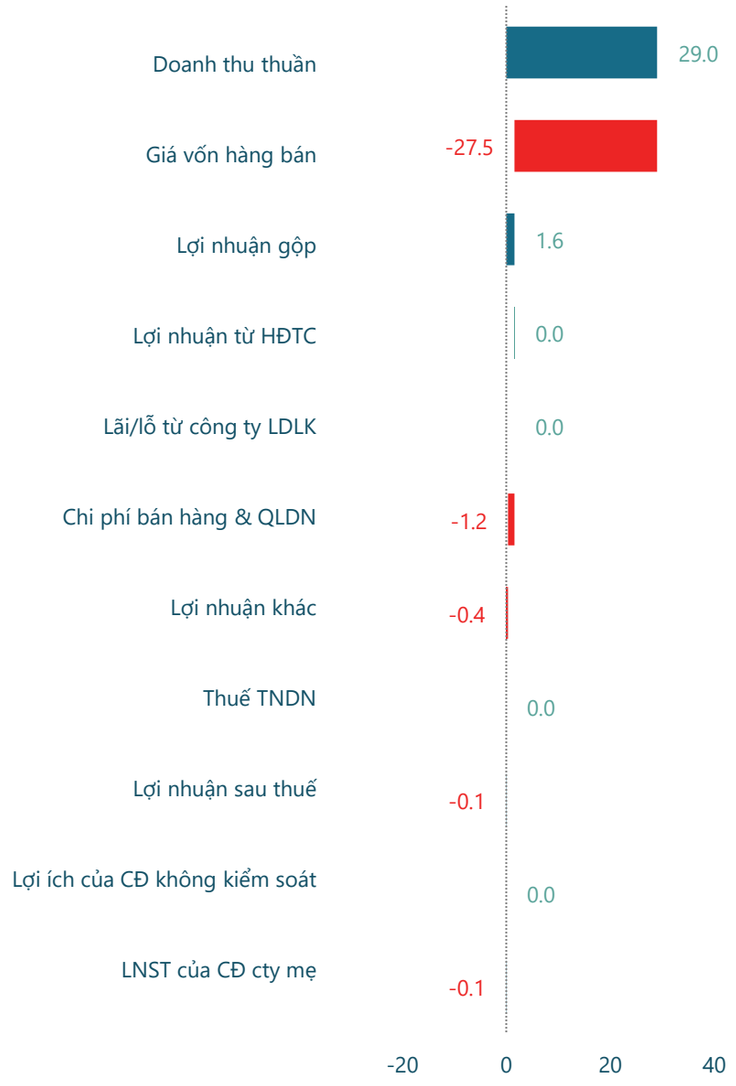

CTCP CENCON Việt Nam (UPCOM: CEN)

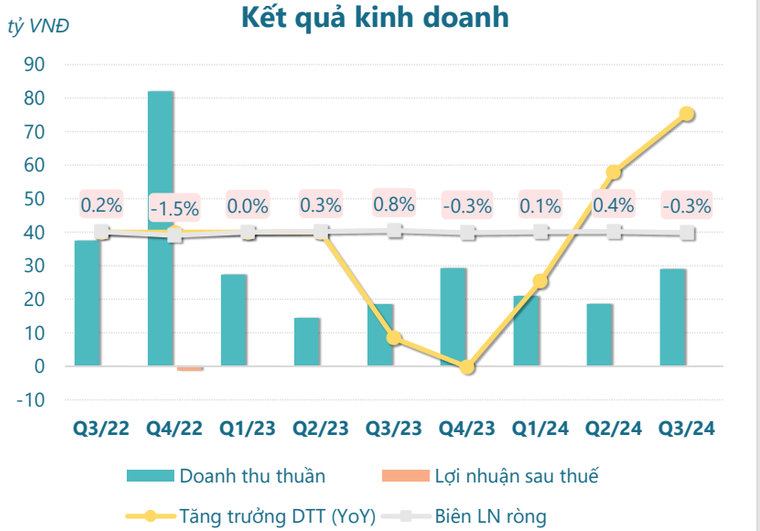

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.32 tỷ đồng**, tăng thêm 540% so với kỳ trước và cao hơn 68.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.40 tỷ đồng** giảm đi 1433% so với kỳ trước và giảm đi 0.40 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

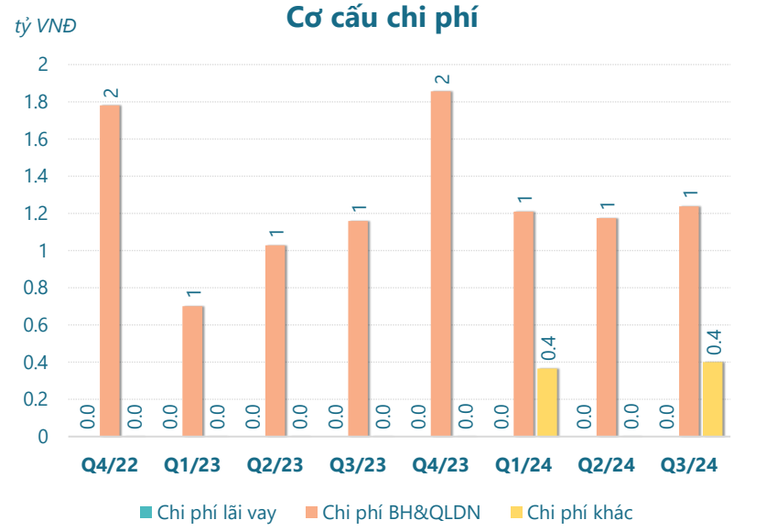

Kết quả kinh doanh của **CEN** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **29.03 tỷ đồng** tăng thêm **56.7%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 0.08 tỷ đồng**, **giảm sút 153%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **69.00 tỷ đồng** cao hơn 15.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế bằng 0 bằng so với cùng kỳ năm trước.

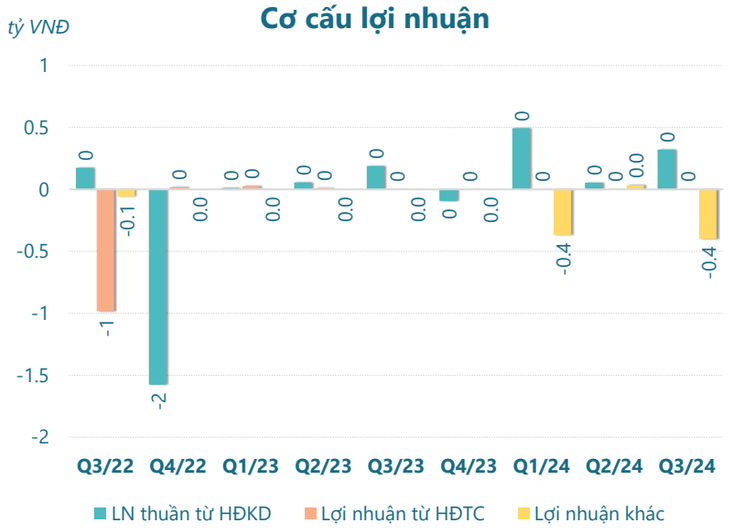

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.24 tỷ đồng** tăng thêm 5.98% so với kỳ trước và cao hơn 6.90% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.40 tỷ đồng** tăng thêm 0.40 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.40 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP CENCON Việt Nam (UPCOM: CEN)

FireAnt
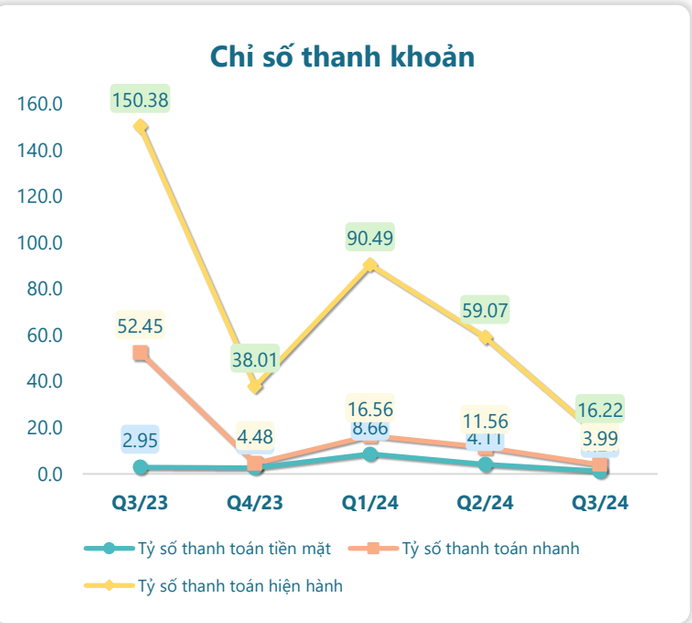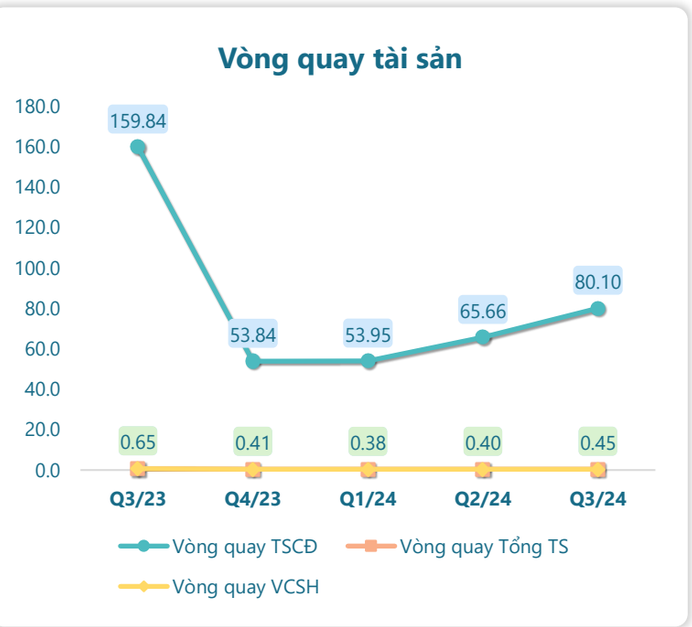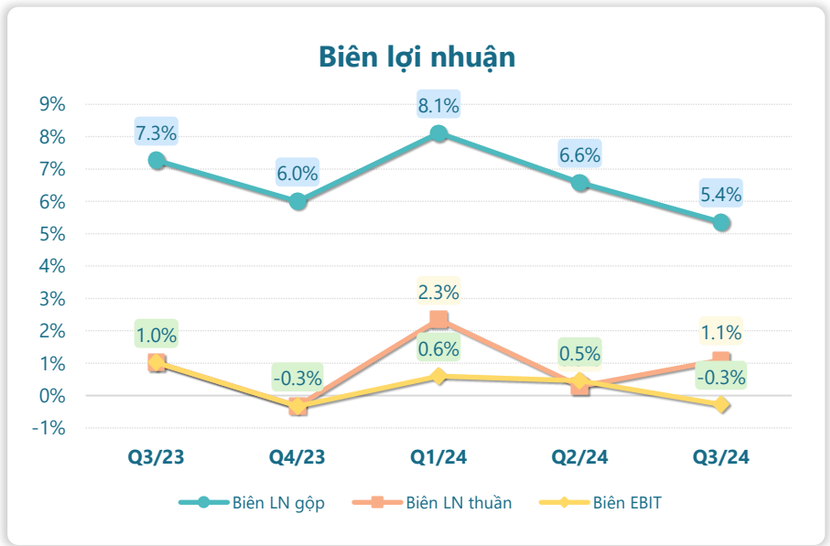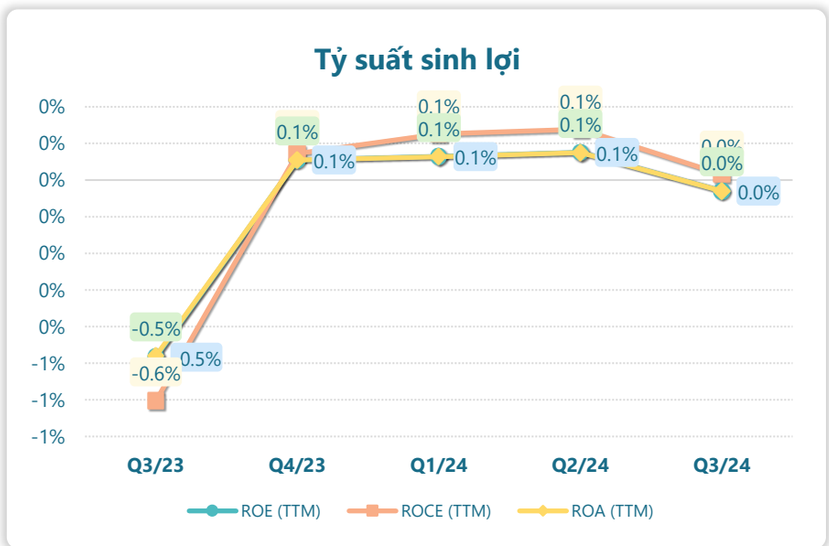
KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**29.0**	**18.6**	**56.0%**	**18.5**	**56.9%**	**68.6**	**60.4**	**13.7%**
Giá vốn hàng bán	27.5	17.4	57.9%	17.2	59.7%	64.1	57.3	12.0%
Lợi nhuận gộp	1.56	1.23	26.6%	1.35	15.3%	4.48	3.11	44.2%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00		0.00	0.03	-95.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.56	0.59	-4.7%	0.49	14.7%	1.66	1.32	25.6%
Chi phí QLDN	**0.67**	**0.59**	**14.4%**	**0.67**	**0.7%**	**1.96**	**1.57**	**25.2%**
LN thuần từ HĐKD	0.32	0.05	540%	0.19	68.5%	0.87	0.25	239%
Lợi nhuận khác	**-0.40**	**0.03**	**-1432%**	**0.00**		**-0.73**	**0.00**	**-160976%**
LN trước thuế	-0.08	0.08	-199%	0.19	-142%	0.13	0.25	-48.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.08**	**0.07**	**-214%**	**0.15**	**-153%**	**0.02**	**0.20**	**-92.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.08**	**0.07**	**-214%**	**0.15**	**-153%**	**0.02**	**0.20**	**-92.2%**